

Bản án số: 73/2019/DS-ST
Ngày 01 - 7 - 2019
V/v tranh chấp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Hải Dương

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đàm Đơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Đơ tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Cẩm – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Đơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201/2019/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Kim C , sinh năm 1981

Cư trú tại: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C. (có mặt)

- Bị đơn: Bà Lê Thúy N , sinh năm 1989

Cư trú tại: ấp T , xã T , huyện Đ , tỉnh C . (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 01 năm 2019, lời trình bày trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Kim C trình bày:

Bà làm chủ hụi bà N có tham gia các dây hụi, cụ thể như sau:

Dây hụi thứ nhất: Mở ngày 30/9/2014, hụi 500.000 đồng, tháng khai 02 kỳ, gồm 44 phần, bà N tham gia 01 phần. Vào ngày 30/3/2015 bà N bỏ 70.000 đồng hốt được số tiền 20.360.000 đồng (đã trừ còn 300.000 đồng), sau khi hốt hụi bà N còn nợ 03 kỳ hụi chết bằng 1.500.000 đồng, hụi mãn vào ngày 15/6/2016.

Dây hụi thứ hai: Mở ngày 30/02/2015, hụi 500.000 đồng, tháng khai 02 kỳ, gồm 44 phần, bà N tham gia 01 phần. Bà N góp được 05 lần bỏ 145.000 đồng hốt được 13.850.000 đồng (đã trừ còn 300.000 đồng), sau khi hốt hụi bà N còn

nợ 09 kỳ hui chết bằng 4.500.000 đồng, hui mẫn vào ngày 15/10/2016.

Dây hui thứ ba: Mở ngày 15/8/2015, hui 500.000 đồng, tháng khui 02 kỳ, gồm 44 phần, bà N tham gia 03 phần.

Phần thứ 1: Bà N bỏ đầu 50.000 đồng hót được 14.640.000 đồng (đã trừ cò 300.000 đồng).

Phần thứ 2: Hui chết được 03 lần bà N bỏ 160.000 đồng hót được 15.580.000 đồng (đã trừ cò 300.000 đồng).

Phần thứ 3: Hui chết được 04 lần bà N bỏ 150.000 đồng hót được 16.580.000 đồng (đã trừ cò 300.000 đồng).

Sau khi hót hui bà N còn nợ 26 kỳ x 3 phần x 500.000 đồng = 39.000.000 đồng.

Bà nhiều lần yêu cầu bà N trả tiền hui nhưng bà N hứa hết lần này đến lần khác nhưng không thực hiện việc trả nợ cho bà. Nay, bà yêu cầu bà N trả cho bà tổng số tiền hui còn nợ 03 dây hui là 45.000.000 đồng.

Đối với bị đơn bà Lê Thúy N : Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà N theo quy định của pháp luật nhưng bà N không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà C .

Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng quy định pháp luật về thủ tục tố tụng giải quyết vụ án dân sự.

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng tại Điều 48, khoản 2 Điều 97, Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự cũng như việc chấp hành nội quy phiên tòa theo quy định tại các Điều 70, 71, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hui, biêu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C , buộc bà N phải trả cho bà C số tiền hui là 45.000.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm các đương sự chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thúy N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N .

[2] Về quan hệ tranh chấp: Việc bà Lê Kim C khởi kiện yêu cầu bà Lê Thúy N trả cho bà tổng số tiền hui còn thiếu 45.000.000 đồng. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết là tranh chấp về giao dịch dân sự theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Bà C xác định vào các ngày 30/9/2014, ngày 30/02/2015 và ngày 15/8/2015 bà có mở các dây hui 500.000 đồng, bà N là hui viên tham gia giao dịch 03 dây hui cụ thể như sau:

Dây 1: Mở ngày 30/9/2014, hui 500.000 đồng, tháng khui 02 kỳ, gồm 44 phần, bà N tham gia 01 phần. Vào ngày 30/3/2015 bà N bỏ 70.000 đồng hót được số tiền 20.360.000 đồng (đã trừ cò 300.000 đồng), sau khi hót hui bà N còn nợ 03 lần hui chết bằng 1.500.000 đồng, hui mãi vào ngày 15/6/2016.

Dây 2: Mở ngày 30/02/2015, hui 500.000 đồng, tháng khui 02 kỳ, gồm 44 phần, bà N tham gia 01 phần. Bà N góp được 05 lần bỏ 145.000 đồng hót được 13.850.000 đồng (đã trừ cò 300.000 đồng), sau khi hót hui bà N còn nợ 09 lần hui chết bằng 4.500.000 đồng, hui mãi vào ngày 15/10/2016.

Dây 3: Mở ngày 15/8/2015, hui 500.000 đồng, tháng khui 02 kỳ, gồm 44 phần, bà N tham gia 03 phần, hui mãi vào ngày 30/5/2017.

Phần 1: Bà N bỏ đầu 50.000 đồng hót được 14.640.000 đồng (đã trừ cò 300.000 đồng).

Phần 2: Hui chết được 03 lần bà N bỏ 160.000 đồng hót được 15.580.000 đồng (đã trừ cò 300.000 đồng).

Phần 3: Hui chết được 04 lần bà N bỏ 150.000 đồng hót được 16.580.000 đồng (đã trừ cò 300.000 đồng). Sau khi hót hui bà N còn nợ 26 lần x 3 phần x 500.000 đồng = 39.000.000 đồng.

Nay, bà yêu cầu bà N trả tổng số tiền 03 dây hui là 45.000.000 đồng bà đã nộp thay tiền hui chết cho bà N .

Xét yêu cầu khởi kiện của bà C , Hội đồng xét xử thấy rằng tại các biên bản ghi lời khai ngày 22/5/2019 do Tòa án thu thập đối với ông Lê Văn S (3 T) (BL 53, 54), ông Lê Minh T (BL 52), ông Lữ Văn G (BL 51), ông Lê Hồng L (BL 49, 50), ông Lữ Thanh N1(Bl 46) và bà Trương Kim Y (BL 47, 48) là những hui viên cùng bà N tham gia trong các dây hui xác định. Bà N có tham gia các dây hui 500.000 đồng do bà C làm chủ, mở các ngày 30/9/2014, 30/02/2015 và ngày 15/10/2015. Trong quá trình tham gia hui, bà N đã hót các dây hui nhưng không nộp tiền hui chết cho bà C , bà C phải bỏ tiền nộp thay tiền hui chết cho bà N . Cũng như, tại khoản 2 Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP quy định “...Trong trường hợp thành viên không góp phần họ, chủ họ đã góp các phần họ thay cho thành viên đó thì thành viên phải trả cho chủ họ các phần họ chậm trả và khoản lãi đối với các phần họ chậm trả. Mức lãi do các bên thoả thuận, nếu không có thoả thuận hoặc không thoả thuận được thì áp dụng mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm trả các phần họ...” Viễn dẫn từ điều luật trên cho thấy bà N đã vi phạm nghĩa nộp hui (họ).

Ngoài ra, tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định “...*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết...mà bên đương sự đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh...*”. Viễn dẫn theo điều luật trên, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà N nhiều lần để tham gia giải quyết vụ án, nhưng bà N không tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ đối với yêu cầu của bà C nên bà N phải chịu thiệt hại về sự vắng mặt của mình.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim C . Buộc bà Lê Thúy N trả cho bà C số tiền 03 đây hui còn thiếu tổng số tiền 45.000.000 đồng mà bà C đã nộp hui thay cho bà N .

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà N phải chịu số tiền là 2.250.000 đồng. (45.000.000 đồng x 5%)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 92, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hui, biêu, phurong;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim C .

Buộc bà Lê Thúy Nga phải trả cho bà Lê Kim C tổng số tiền hui là 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Kim C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Cương 1.125.000 đồng (một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 0008942 ngày 08 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đàm Dơi.

Bà Lê Thúy N phải chịu 2.250.000 đồng (hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) bà N chưa nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Giang Nam